

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS - PT
Ngày: 27 - 4 -2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng

Các Thẩm phán: Ông Trần Hoài Sơn

Ông Nguyễn Ngọc Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Nguyễn Thị Trâm - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2020/DSPT ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2020/DS - ST ngày 26 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2020/QĐ - PT ngày 21 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2020/QĐ - PT ngày 31 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐ - PT ngày 12 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/QĐ - PT ngày 04 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2021/QĐ-PT ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc Th, sinh năm 1959 và bà Đặng Thị Bích H, sinh năm 1967; Cùng địa chỉ : Số nhà 22 đường Đ, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đoàn Hữu S, Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh, có mặt

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Á, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 88 đường P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Xuân T, địa chỉ: 82 đường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Tô N, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 88 đường P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Ngọc Thu. vắng mặt

Địa chỉ: 146 H22/37 đường H, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- Người kháng cáo: Bà Đặng Thị Bích H, ông Huỳnh Ngọc Th, là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

*** Nguyên đơn bà Đặng Thị Bích H, ông Hà Ngọc Thành trình bày:**

Ngày 26/10/2011, ông Huỳnh Ngọc Th và bà Đặng Thị Bích H có cho bà Huỳnh Thị Á mượn số tiền 1.500.000.000 đồng (bằng chữ: một tỷ năm trăm triệu đồng). Theo ủy nhiệm chi ngày 25/10/2011, từ tài khoản số 10420786736010 của ông Huỳnh Ngọc Th chuyển số tiền 1.500.000.000 đồng đến tài khoản số 10410401041011 của bà Huỳnh Thị Á tại chi nhánh Techcombank Quang Trung Đà Nẵng. Bà Á có ký hợp đồng mượn tiền ngày 26/10/2011.

Ngày 26/12/2011, ông Huỳnh Ngọc Th và bà Đặng Thị Bích H tiếp tục cho bà Á mượn thêm số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Theo ủy nhiệm chi ngày 26/12/2011 từ tài khoản số 10420786736010 của ông Huỳnh Ngọc Th chuyển số tiền 500.000.000 đồng đến tài khoản số 10410401041011 của bà Huỳnh Thị Á tại chi nhánh Techcombank Quang Trung Đà Nẵng. Bà Huỳnh Thị Á và bà Trần Thị Tô N đồng ký tên trong hợp đồng mượn tiền vào ngày 20/6/2012, thể hiện tổng số tiền hai lần mượn là 2.000.000.000 đồng (bằng chữ: hai tỷ đồng), người mượn là bà Huỳnh Thị Á, và bà Trần Thị Tô N có trách nhiệm trả nợ thay bà Á trong trường hợp bà Á không thực hiện đúng nội dung tại hợp đồng.

Ngày 01/02/2013, bà Đặng Thị Bích H và bà Huỳnh Thị Á kí hợp đồng mượn số tiền 2.000.000.000 đồng (bằng chữ: hai tỷ đồng) thay thế hợp đồng ngày 20/6/2012. Bà Trần Thị Tô N ký trong hợp đồng với tư cách người chịu trách nhiệm trả nợ thay bà Á trong trường hợp bà Á không thực hiện đúng nội dung tại hợp đồng. Việc vay mượn không thỏa thuận lãi, không có thời hạn trả cụ thể mà chỉ khi bên cho vay cần thì thông báo trước cho bên vay 30 ngày.

Ngày 24/4/2013 ông Th và bà H cho bà Á mượn thêm 400.000.000 đồng (bằng chữ: bốn trăm triệu đồng). Theo giấy chuyển tiền nhanh ngày 24/4/2013 với số tiền 400.000.000 đồng từ người chuyển là bà Đặng Thị Bích H đến tài khoản số 10410401041011 của bà Huỳnh Thị Á tại chi nhánh Techcombank 97 Phan Châu Trinh - Đà Nẵng.

Từ năm 2013 đến nay, ông Th và bà H nhiều lần tìm cách liên lạc với bà A để đòi số tiền đã mượn nói trên nhưng bà A cố tình trốn tránh nên không gặp được. Do đó, ông Th và bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà A phải trả cho ông Th và bà H số tiền 8.000.000.000 đồng (tám tỷ đồng), gồm số tiền nợ gốc 2.400.000.000 đồng. Tiền phạt chậm trả và tính trượt giá từ năm 2011 đến nay, cụ thể: Thời điểm mượn, nhà của bà A giá trị ước tính tối đa là 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng) đến nay giá trị nhà bà A ước tính tối thiểu là 90.000.000.000 đồng (chín mươi tỷ đồng). Thiệt hại được xem xét trượt giá tương ứng ước tính là 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng), lãi suất chậm trả được quy định tại hợp đồng mượn tiền là 150% lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố, ước tính là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng). Trường hợp bà Huỳnh Thị A không trả được nợ, yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Tô N có trách nhiệm trả nợ thay bà A theo thỏa thuận tại các hợp đồng vay tiền đã ký.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Th và bà H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà A trả số tiền 5.010.000.000 đồng (Năm tỷ không trăm mười triệu đồng). Trong đó, nợ gốc 2.400.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả được quy định tại hợp đồng mượn tiền là 150% lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố, tính từ tháng 6/2013 đến tháng 09/2020 là: $2.400.000.000 \text{ đồng} \times 150\% \times 10\%/\text{năm} \times 7 \text{ năm} 3 \text{ tháng} = 2.610.000.000 \text{ đồng}$.

Ông Th và bà H xác định đây là khoản nợ cá nhân giữa ông và bà và bà A, không liên quan đến công ty TNHH Thương mại dịch vụ ngành ảnh Tr, và không yêu cầu trách nhiệm trả nợ thay của bà N.

* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Tấn Kh trình bày:

Từ năm 2011 bà A đã nhiều lần vay mượn tiền của vợ chồng bà H ông Th với mức lãi suất từ 05% đến 10%/tháng. Bà H yêu cầu trả lãi từng tháng và hàng tháng người của bà H đến Công ty TNHH Thương mại dịch vụ ngành ảnh Tr để lấy tiền. Bà A đã trả tiền lãi từ năm 2011 đến 2014 với số tiền hàng tháng là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Để hợp thức hóa việc vay mượn tiền với mức lãi suất cao như vậy, bà H đã yêu cầu bà A ký bằng các Giấy mượn tiền và thay đổi nhiều lần. Tuy nhiên, ông không có chứng cứ về việc thu lãi. Ông Kh thừa nhận có việc vay mượn số tiền 2.400.000.000 đồng giữa ông Th và bà H và bà A. Các khoản vay mượn này là các khoản vay riêng giữa bà A và vợ chồng ông Th và bà H, không liên quan đến Công ty TNHH Thương mại dịch vụ ngành ảnh Tr và bà N. Mặc dù, trong các hợp đồng cho mượn tiền có chữ ký của bà N nhưng bà N chỉ là người chứng kiến việc vay mượn này. Ông Th và bà H đã yêu cầu bà A trả nợ nhiều lần từ năm 2014, bà A cũng đã biết việc đòi nợ trên nhưng do gặp khó khăn từ nhiều dự án khác, nên bà A không có khả năng trả và tránh gặp mặt ông Th và bà H. Nguyên đơn đã biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm từ năm 2014 nhưng đến năm 2020 mới khởi kiện. Do đó, thời hiệu khởi kiện đã hết, bị đơn đề nghị Tòa án xem xét vấn đề thời hiệu để đình chỉ giải quyết các yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Tô N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và trình bày xác định

khoản nợ mà ông Th, bà H yêu cầu đối với bà Á là nợ cá nhân giữa nguyên đơn và bị đơn, không liên quan đến Công ty TNHH Thương mại dịch vụ ngành ảnh Tr và bà N.

Người làm chứng là ông Nguyễn Ngọc Thu trình bày, ông là người làm công cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ ngành ảnh Tr tại thời điểm năm 2014. Ông được bà Á giao nhiệm vụ trả nợ lãi cho bà H mỗi ngày 1.000.000 đồng. Từ ngày 01/4/2014 đến ngày 14/10/2014, mỗi ngày bà H đều đến Công ty TNHH Thương mại dịch vụ ngành ảnh Tr nhận số tiền lãi 1.000.000 đồng/ngày. Tổng cộng 192 ngày với số tiền 192.000.000 đồng. Việc trả lãi này không có ký nhận, bà Á tự ghi chép bằng sổ. Sau đó, do công ty gặp khó khăn tài chính nên bà Á không trả lãi nữa. Bà H có đến tìm nhưng không gặp được bà Á.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – bà Lê Thị Xuân M cho rằng hợp đồng mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng không thỏa thuận thời hạn, chỉ khi nào bên cho vay cần tiền thì thông báo trước cho bên vay 30 ngày. Do ông Th và bà H không gặp được bà Á nên không thể thông báo được, do đó không tính thời hiệu khởi kiện trong trường hợp này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Th và bà H thừa nhận lời trình bày của người làm chứng về việc bà H có đến Công ty TNHH Thương mại dịch vụ ngành ảnh Tr nhận số tiền 1.000.000 đồng/ngày, kể từ ngày 01/4/2014 đến ngày 14/10/2014. Sau đó, bà Á không trả thêm lần nào, mặc dù bà H có đến tìm nhưng không gặp được bà Á. Ông Th và bà H đã biết quyền, lợi ích của mình bị xâm phạm từ thời điểm năm 2014 nhưng do nể tình thân lâu năm đối với bà Á nên đến năm 2020 mới khởi kiện.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 46/2020/DS - ST ngày 26 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ:

- Điều 474, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 154, 429, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 218, Khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “những quy định chung” của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc Th và bà Đặng Thị Bích H đối với bà Huỳnh Thị Á về số tiền 2.990.000.000 đồng do nguyên đơn rút một phần yêu cầu tính trượt giá và số tiền lãi 2.610.000.000 đồng do áp dụng thời hiệu khởi kiện theo yêu cầu của bị đơn.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc Th và bà Đặng Thị Bích H đối với bà Huỳnh Thị Á. Xử: Buộc bà Huỳnh Thị Á phải trả cho ông Huỳnh Ngọc Th và bà Đặng Thị Bích H số tiền 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng)

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) bà Huỳnh Thị Á phải chịu. Hoàn trả cho ông Huỳnh Ngọc Th và bà Đặng Thị Bích H 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 008853 ngày 17/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của đương sự và quyền yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định nguyên đơn bà Đặng Thị Bích H và ông Huỳnh Ngọc Th có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần tính lãi và đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của ông bà đối với bà Huỳnh Thị Á.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Đặng Thị Bích H và ông Huỳnh Ngọc Th rút một phần yêu cầu kháng cáo và đề nghị HĐXX tính lãi từ ngày 25/12/2019 đến ngày xét xử phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Xuân T có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Tô N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Phạm Xuân T và bà Trần Thị Tô N.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Ngọc Th, bà Đặng Thị Bích H rút một phần yêu cầu kháng cáo và đề nghị HĐXX tính lãi suất từ ngày 25/12/2019 đối với bà Huỳnh Thị Á. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu kháng cáo là tự nguyện nên HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng cáo của nguyên đơn.

Về nội dung vụ án:

Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị Bích H, ông Huỳnh Ngọc Th, HĐXX xét thấy:

[3] Vào các ngày 25/10/2011, 26/12/2011, bà H, ông Th có chuyển cho bà Á 2 lần với số tiền 2.000.000.000 đồng, lần thứ nhất chuyển 1.500.000.000 đồng, lần thứ hai chuyển 500.000.000 đồng và đã tiến hành ký kết các hợp đồng mượn tiền vào các ngày 26/10/2011 và 20/6/2012. Đến ngày 01/02/2013 giữa ông Th, bà H và bà Á, có bên bảo lãnh là bà Trần Thị Tô N ký kết lại hợp đồng mượn số tiền 2.000.000.000 đồng để thay thế hai hợp đồng ngày 26/10/2011. Việc vay mượn không thỏa thuận lãi, không có thời hạn trả cụ thể mà chỉ khi bên cho vay cần thì thông báo trước cho bên vay 30 ngày. Ngày 24/4/2013 ông Th và bà H tiếp tục cho bà Á mượn thêm 400.000.000 đồng. Tổng số tiền bà Á đã vay của ông Th bà H là 2.400.000.000 đồng. Nay bà Hà, ông Th yêu cầu Tòa án tính lãi suất từ năm 2013 đến năm 2020 với số tiền 2.610.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Th bà H yêu cầu Tòa án tính lãi suất từ ngày 25/12/2019.

[4] HĐXX xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, ông Th bà H và người đại diện của bị đơn cùng xác định từ năm 2014 ông Th, bà H đã yêu cầu bà Á thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng bà Á vẫn không thực hiện nghĩa vụ, mặt khác bà H ông Th không tiến hành khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện về tiền lãi suất theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “những quy định chung” của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[5] Tuy nhiên, tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà H ông Th cung cấp kết quả sao lưu vi bằng xác định ngày 25/12/2019, bà H có nhắn tin cho bà Tô N để yêu cầu trả tiền “Tiền quá lâu của chị rồi”. Ngoài ra, theo kết quả cung cấp thông tin từ Tổng công ty viễn thông mobifone xác định số điện thoại của bà Trần Thị Tô N là: 0905522929. Căn cứ nội dung hợp đồng mượn tiền ngày 01/02/2013 được ký kết giữa bà H ông Th với bà Á có sự bảo lãnh của bà Trần Thị Tô N (con gái ruột của bà Huỳnh Thị Á) cam kết nội dung sẽ có trách nhiệm trả cho bà Á nếu bà Á không có khả năng trả nợ. Ngoài ra, bà Á và bà Tô N cùng sống chung với nhau tại nhà 88 đường P, quận C, thành phố Đà Nẵng.

[6] HĐXX xét thấy, lời khai của bà H ông Th về việc nhiều lần yêu cầu bà Á thực hiện nghĩa vụ, thường xuyên liên lạc bằng điện thoại, tin nhắn cho bà Á nhưng bà Á không phản hồi, vì nể tình chỗ thân quen nên bà H tiếp tục nhắn tin và liên lạc nhiều lần với bà Trần Thị Tô N được thể hiện tại Lịch sử cuộc gọi do Tổng công ty viễn thông Mobifone cung cấp và phù hợp với nội dung tin nhắn bà H gửi cho bà Tô N ngày 25/12/2019 để yêu cầu trả nợ.

[7] Như vậy, mặc dù từ năm 2014 bà H ông Th đã yêu cầu bà Á thực hiện nghĩa vụ nhưng việc yêu cầu này không chấm dứt mà phát sinh tiếp tục từ đó cho đến ngày 25/12/2019, như vậy nội dung thỏa thuận của các bên tại hợp đồng mượn tiền ngày 01/2/2013 vẫn tiếp tục được thực hiện theo yêu cầu của ông Th bà H. Do vậy, HĐXX thấy có căn cứ tính lãi suất cho bà H ông Th từ ngày 25/1/2019 (ngày ông Th bà H yêu cầu thực hiện nghĩa vụ đối với bà Á thông qua bà Tô N) là phù hợp.

[8] Từ những căn cứ nêu trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi suất của bà H ông Th, buộc bà Huỳnh Thị Á phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 2.400.000.000 đồng và tiền lãi suất theo nội dung thỏa thuận tại Điều 5 về việc tính lãi chậm trả thì được tính lãi từ ngày 25/01/2020 đến ngày xét xử phúc thẩm: 27/4/2021, 15 tháng 02 ngày, lãi $150 \times 9\% / \text{năm} = 13.5\%$; Lãi được tính là: 406.800.000 đồng.

[9] Để phong tỏa đảm bảo quá trình thi hành án, tại Tòa án cấp phúc thẩm nguyên đơn ông Th bà H đã yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*” Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với tài sản là nhà và đất tại địa chỉ số 86 đường P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. (Nhà và đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 3401012288 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp cho bà Võ Thị Thanh Hu, bà Võ Thị Tuyết M ngày 28 tháng 7 năm 2004, đã chỉnh lý biến động sang tên cho bà Huỳnh Thị Á ngày 25 tháng 8 năm 2004). Ngày 27 tháng 10 năm 2020, Tòa án cấp phúc thẩm đã ra Quyết định về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 15/2020/QĐ-BPKCTT để phong tỏa tài sản tại địa chỉ số 86 đường P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng là nhà và đất đứng tên bà Huỳnh Thị Á để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ Điều 19 Nghị quyết số: 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì Tòa án cấp phúc thẩm cần nhận định và quyết định trong bản án. HĐXX xét thấy, bà Á có nghĩa vụ thanh toán cho ông Th, bà H số tiền 2.806.800.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 2.400.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử phúc thẩm 27.4.2021 là 406.800.000 đồng. Như vậy, về nghĩa vụ bà Á vẫn chưa thực hiện cho bà H ông Th nên để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án, HĐXX xét thấy cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời như nêu trên cho đến khi bản án được thi hành xong để đảm bảo quyền lợi của đương sự, tránh trường hợp tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Án phí dân sự phúc thẩm ông Th bà H không phải chịu do sửa án sơ thẩm.

[11] Án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Riêng bà Huỳnh Thị Á thuộc diện người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 296 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 474, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 154, 157, 429, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi

hành một số quy định trong phần thứ nhất “những quy định chung” của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung;

- Điều 19 Nghị quyết số: 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc Th và bà Đặng Thị Bích H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2020/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc Th, bà Đặng Thị Bích H về yêu cầu tính một phần lãi suất từ năm 2014 đến ngày 24 tháng 12 năm 2019 đối với bà Huỳnh Thị Á.

II. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc Th và bà Đặng Thị Bích H đối với bà Huỳnh Thị Á về số tiền 2.990.000.000 đồng.

III. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc Th và bà Đặng Thị Bích H đối với bà Huỳnh Thị Á.

Xử:

1. Buộc bà Huỳnh Thị Á phải trả cho ông Huỳnh Ngọc Th và bà Đặng Thị Bích H số tiền 2.806.800.000 đồng (Hai tỷ tám trăm lẻ sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Trong đó, số tiền nợ gốc là 2.400.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 27/4/2021 là 406.800.000 đồng.

Kể từ ngày 28/4/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 15/2020/QĐ-BPKCTT Ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng cho đến khi bản án được thi hành xong.

Phản tuyên về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng nghị. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Chương VIII của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: 88.136.000 đồng bà Huỳnh Thị Á phải chịu.

Ông Huỳnh Ngọc Th, bà Đặng Thị Bích H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn cho ông Huỳnh Ngọc Th, bà Đặng Thị Bích H tiền tạm ứng án phí dân sự 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng) đã nộp theo biên

lai thu số 008853 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Ngọc Th, bà Đặng Thị Bích H không phải chịu. Hoàn cho ông Th bà H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 009490 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ
- Văn phòng (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Việt Dũng